

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-05-2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Đô

2. Ông Đồng Văn Diên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2021/TLST- HNGĐ ngày 22/12/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 44/2022/QĐXX-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973

ĐKKHKT: Thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ hiện nay: Thôn T 2, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Quang B, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Chị M vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; anh Bình có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Quang Bình kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 18/3/1992. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Bình chung sống cùng gia

đình nhà chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được khoảng 05 năm. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Bình thường xuyên rượu chè, đêm hôm đánh đập chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xảy ra xô xát. Từ năm 2017, chị và anh B ly thân, cắt đứt mọi liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bình.

- Về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị và anh Bình có 02 con chung là Phạm Quang Chung, sinh ngày 09/8/1993 và Phạm Văn Hải, sinh ngày 07/11/1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường và đều đã xây dựng gia đình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/12/2021, bị đơn anh Phạm Quang Bình trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Lạng Giang vào ngày 18/3/1992. Thời điểm kết hôn, trong giấy chứng nhận kết hôn ghi năm sinh của anh là 1972 vì thời điểm đó năm sinh của anh ghi trong sổ hộ khẩu gia đình là 1972, tuy nhiên hiện nay theo chứng M nhân dân năm sinh của anh là 1973. Sau khi kết hôn, chị M về nhà anh làm dâu, sinh sống cùng gia đình nhà anh, sau khoảng 02 năm thì anh chị được bố mẹ cho ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế của gia đình ở thời điểm đó còn khó khăn, chị M đi làm phụ vữa trong miền NA, những năm 2016, 2017 gia đình vẫn liên lạc được với chị M, sau đó từ năm 2017 thì anh không liên lạc được với chị M. Anh thừa nhận quá trình chung sống với chị M ở thời điểm từ năm 2015 trở về trước thì vợ chồng có xảy ra xô xát, bất đồng quan điểm, đánh cãi chửi nhau. Khi không liên lạc được với chị M anh cũng đã hỏi qua mẹ vợ và chị em ruột của chị M nhưng khi gọi điện thoại cho chị M thì chị M không bao giờ nghe máy. Nay chị M khởi kiện xin ly hôn anh thì anh không đồng ý, lý do anh không đồng ý là bởi vì vợ chồng anh đã có 04 cháu nội, chỉ vì 04 năm qua không liên lạc với nhau mà ly hôn thì anh không đồng ý, hiện anh vẫn còn tình cảm với chị M.

Về con chung: Giữa anh và chị M có 02 con chung là Phạm Quang Chung, sinh ngày 09/8/1993 và Phạm Văn Hải, sinh ngày 07/11/1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, đã xây dựng gia đình riêng, chị M không yêu

cầu Tòa án giải quyết về con và cấp dưỡng nuôi con anh nhất trí không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác.

* Tại biên bản xác M ngày 19/01/2022 của Tòa án với đại diện chính quyền địa phương thôn A, xã X, huyện Lạng Giang cho biết: Anh Bình và chị M là công dân của địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp. Khoảng 5,7 năm nay chị M đi làm ăn xa nhà, địa phương không thấy chị M về nhà. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M và anh Bình cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án làm việc với gia đình anh Bình để tìm hiểu. Vợ chồng chị M, anh Bình có 02 con chung là Phạm Quang Chung, và Phạm Văn Hải. Hiện nay các cháu đều trưởng thành và lập gia đình riêng. Nay chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Bình thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại biên bản xác M ngày 29/3/2022 của Tòa án với bà Nguyễn Thị Thọ, là mẹ đẻ anh Phạm Quang Bình cho biết: Bà là mẹ đẻ của anh Phạm Quang Bình, chị M là con dâu bà. Anh Bình, chị M có đăng ký kết hôn hợp pháp và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị M về nhà bà làm dâu, sau đó khoảng 4,5 năm gia đình bà cho vợ chồng anh Bình, chị M ra ở riêng. Cách đây khoảng 5 năm chị M đi làm xa nhà, lúc đó chị M báo gia đình là đi làm ăn. Một hai năm đầu sau khi đi làm ăn chị M có về thăm nhà, khi cưới con trai vào năm 2016 và 2018 thì chị M có về tổ chức đám cưới cho các con. Sau đó chị M lại đi làm ăn nhưng không cho gia đình biết chị làm ở đâu và cũng không liên lạc với bà. Anh Bình và chị M ở riêng nên bà không biết anh chị có mâu thuẫn như thế nào. Nay chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn, bà có nguyện vọng anh chị về đoàn tụ cùng nhau xây dựng cuộc sống. Giữa anh Bình và chị M có 02 con chung là Phạm Quang Chung, sinh năm 1993 và Phạm Quang Hải, sinh năm 1997, các cháu đều đã lập gia đình riêng.

* Tại biên bản xác M ngày 18/02/2022 với cán bộ tư pháp xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cho biết như sau: Thời điểm năm 1992, anh Phạm Quang Bình và chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Thời điểm đăng ký kết hôn, năm sinh của anh Bình ghi trong giấy tờ Sổ hộ khẩu sinh năm 1972 nên trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi năm sinh của anh Bình là 1972. Nay anh Bình làm thủ tục đăng ký giấy tờ cá nhân có năm sinh là 1973 thì đề nghị Tòa án xem xét năm sinh của anh Bình theo giấy tờ cá nhân hiện nay của anh Bình. Cán bộ tư pháp xác định, ở thôn A, xã X không có vợ chồng nào khác trùng tên anh Bình và chị M.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại Tòa án, Tòa án đã tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao

nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng các đương sự đều vắng mặt.

* Tại phiên tòa:

- Chị M vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại Tòa án, chị giữ nguyên lời khai đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

- Anh Bình có mặt tại phiên tòa trình bày: Anh không đồng ý ly hôn chị M vì chị M là người khởi kiện nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Các con đã trưởng thành và lập gia đình riêng, đã có 04 cháu nội nên anh không đồng ý ly hôn. Mặt khác anh xác định vẫn còn tình cảm với chị M. Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất canh tác anh không có yêu cầu gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn còn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị M được ly hôn anh Bình

+ Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị M và anh Bình đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang Chung, sinh năm 1993 và Phạm Quang Bình, sinh năm 1997, hiện các con chung đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung và ruộng đất canh tác nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét (HĐXX) thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi

kiện. Nguyên đơn đã thực hiện việc thông báo khởi kiện và gửi tài liệu cho bị đơn theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, bị đơn đang cư trú tại huyện Lạng Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã giải quyết vụ kiện theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ, đều có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn còn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung:

Lời khai của chị M và anh Bình đều xác định vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 18/3/1992 theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã X cấp, do đó quan hệ hôn nhân của chị M và anh Bình là hợp pháp. Thời điểm đăng ký kết hôn, anh Bình thừa nhận và địa phương xác nhận anh Bình ghi năm sinh là 1972 theo năm sinh ghi trong Sổ hộ khẩu, nay anh Bình xác định năm sinh của anh là 1973 theo giấy tờ CMND của anh.

[4.1]. Về tình trạng hôn nhân của chị M và anh Bình: Chị Nguyễn Thị M và anh Bình đều khai vợ chồng sau khi kết hôn đã về chung sống tại thôn A, xã X, huyện Lạng Giang. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Bình thường xuyên rượu chè, đêm hôm đánh đập chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và xảy ra xô xát, nay chị và anh Bình đã ly thân từ năm 2017, anh Bình thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xô xát và đánh cãi chửi nhau, khoảng 3,4 năm nay anh và chị M không gặp nhau. Mặc dù anh Bình có trình bày anh vẫn còn tình cảm với chị M nhưng trên thực tế giữa anh và chị M đã có khoảng thời gian rất dài không gặp nhau, không tìm được tiếng nói chung, chị M từ chối hòa giải và vẫn yêu cầu giải quyết ly hôn. Như vậy, HĐXX xét thấy việc chị M và anh Bình mâu thuẫn là có thật, thời gian mâu thuẫn đã kéo dài, đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, việc chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị M xử cho chị M và anh Bình ly hôn.

[4.2]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Các con của chị M, anh Bình đều trên 18 tuổi, chị M và anh B không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung nên HĐXX không xem xét.

[4.3]. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác: Chị M, anh Bình không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn. Xác nhận chị M đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Quang Bình.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0012609 ngày 22/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Đô + Đồng Văn Diện

Vũ Thị Thiêm

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Tiên Lục;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm